

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ
HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 2 NĂM 2024

Phụ lục 1

KẾT QUẢ PHÚC TRA
KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 2 NĂM 2024
KHU VỰC PHÍA BẮC

(Ban hành kèm theo Thông báo số 08/TB-HĐKT ngày 03 tháng 01 năm 2025
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 2/2024)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
1	Nguyễn Thúc	An	31/12/1999	TP. Hà Nội	03	35	56.75	65	40		KHÔNG ĐẠT
2	Lê Thế	Anh	18/06/1999	TP. Hà Nội	11	40.25	50.25	68.5	38.75		KHÔNG ĐẠT
3	Nguyễn Phương	Anh	28/08/1998	TP. Hà Nội	15	42.75	53	61	35.5		KHÔNG ĐẠT
4	Đào Duy	Anh	15/07/1995	TP. Hà Nội	16	41.25	63.25	65	35.75		KHÔNG ĐẠT
5	Vũ Đức	Anh	09/08/1993	TP. Hà Nội	17	42.75	52	53.5	41		KHÔNG ĐẠT
6	Trần Tuấn	Anh	03/08/1994	TP. Hà Nội	20	46.5	69.25	64.5	45		KHÔNG ĐẠT
7	Tổng Tuấn	Anh	15/06/1976	TP. Hà Nội	21	62.75	43.75	54		44	KHÔNG ĐẠT
8	Đồng Tuấn	Anh	04/01/1988	TP. Hà Nội	23	44.5	56.75	61	50		ĐẠT
9	Bùi Thị Kim	Anh	02/01/1988	TP. Hà Nội	25	38.75	58	62.5	50.75		ĐẠT
10	Ngô Thị	Anh	18/09/1989	TP. Hà Nội	26	34	65.25	57.5	39.125		KHÔNG ĐẠT
11	Lê Quang	Anh	05/12/1991	TP. Hà Nội	28	37.25	39.75	50	33.75	43.75	KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
12	Lê Hoàng Tường	Anh	28/07/1996	TP. Hà Nội	29	42.25	51.25	50	38.75		KHÔNG ĐẠT
13	Ngô Tuấn	Anh	02/10/1995	TP. Hà Nội	31	38.5	56.25	79	36.25		KHÔNG ĐẠT
14	Vũ Thị Lan	Anh	25/02/1979	TP. Hà Nội	33	47.25	71	66	39.25		KHÔNG ĐẠT
15	Bùi Thị Phương	Anh	13/06/1998	TP. Hà Nội	37	39.25	65.75	67.5	50		ĐẠT
16	Nguyễn Thị Hà	Anh	26/05/1999	TP. Hà Nội	40	35.25	66.25	66	34.25		KHÔNG ĐẠT
17	Nguyễn Hoàng	Anh	25/10/1998	TP. Hà Nội	43	36.75	50.25	67.5	34.25		KHÔNG ĐẠT
18	Trần Thị Minh	Anh	18/07/1999	TP. Hà Nội	46	40	62.75	70	50.25		ĐẠT
19	Hoàng Hồng	Anh	22/12/1998	TP. Hà Nội	48	42.75	70.25	62.5	44		KHÔNG ĐẠT
20	Bùi Thị Ngọc	Ánh	15/06/1998	TP. Hà Nội	50	35.75	67.5	50	39.5		KHÔNG ĐẠT
21	Lương Văn	Ban	01/10/1996	TP. Hà Nội	58	43.25	64.5	60	41.25		KHÔNG ĐẠT
22	Nguyễn Đình	Bằng	17/08/1975	Bắc Ninh	60	41.25	45	58.5	38	45.75	KHÔNG ĐẠT
23	Nguyễn Đức	Bảy	10/07/1988	TP. Hà Nội	65	39.5	37.5	59	31.25	47	KHÔNG ĐẠT
24	Nguyễn Thế	Biên	06/02/1999	TP. Hà Nội	69	37.5	60	58	43		KHÔNG ĐẠT
25	Phạm Thị Bích	Cầm	17/08/1995	TP. Hà Nội	74	49	55.75	52	44.75		KHÔNG ĐẠT
26	Dương Linh	Chi	28/12/1996	Thái Nguyên	77	46.5	58	50	43.75		KHÔNG ĐẠT
27	Nguyễn Mạnh	Cường	26/12/1997	TP. Hà Nội	87	37.5	52.25	62.5	41.75		KHÔNG ĐẠT
28	Phạm Văn	Đạt	29/10/1993	TP. Hà Nội	95	44.75	64.5	70	42		KHÔNG ĐẠT
29	Lê Tuấn	Đạt	09/03/1983	TP. Hà Nội	97	43.75	54.5	67.5	43.75		KHÔNG ĐẠT

Đ. N. M. B.

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
30	Nguyễn Văn	Đạt	23/05/1991	TP. Hà Nội	98	33.75	65.5	50	41.25		KHÔNG ĐẠT
31	Phạm Tiến	Đạt	05/09/1998	TP. Hà Nội	99	38.75	54	70	38.75		KHÔNG ĐẠT
32	Nguyễn Thị	Diên	13/08/1998	TP. Hà Nội	101	46.75	75.5	57	50.5		ĐẠT
33	Phạm Thị Hồng	Diệp	05/01/1998	TP. Hà Nội	104	46.25	58	55	42		KHÔNG ĐẠT
34	Nguyễn Đại	Đồng	04/02/1980	TP. Hà Nội	110	24	54	50	21		KHÔNG ĐẠT
35	Lê Quảng	Đức	15/02/1977	TP. Hà Nội	113	36.75	55.75	50	30.75		KHÔNG ĐẠT
36	Phạm Thị	Dung	23/03/1993	TP. Hà Nội	123	46.5	68.75	50	46.5		KHÔNG ĐẠT
37	Đinh Hương	Giang	05/11/1997	Quảng Ninh	134	37.25	60.25	60	41.25		KHÔNG ĐẠT
38	Nguyễn Thị	Giang	24/02/1997	TP. Hà Nội	136	36.25	64.25	59	50		ĐẠT
39	Nguyễn Thị Thùy	Giang	05/11/1984	TP. Hà Nội	137	33.5	40	51	32.75	45.75	KHÔNG ĐẠT
40	Phan Thị Hà	Giang	07/05/1996	TP. Hà Nội	139	45	55.25	52	45		KHÔNG ĐẠT
41	Trương Lê Ngân	Giang	26/07/1999	TP. Hà Nội	141	38.5	51.25	62.5	38		KHÔNG ĐẠT
42	Hoàng Hương	Giang	27/07/1998	TP. Hà Nội	142	50.25	44.75	57.5		50.25	ĐẠT
43	Nguyễn Thị Kim	Hà	14/11/1998	Nghệ An	149	42	54.25	50	44		KHÔNG ĐẠT
44	Ninh Thị	Hà	09/09/1994	TP. Hà Nội	150	55.25	42.25	60		45.75	KHÔNG ĐẠT
45	Trần Trọng	Hải	12/11/1974	Hải Phòng	160	50.25	35	55		43.25	KHÔNG ĐẠT
46	Đặng Sơn	Hải	19/03/1996	TP. Hà Nội	164	25.75	38.25	60	32.25	45.75	KHÔNG ĐẠT
47	Nguyễn Thị	Hạnh	19/11/1990	Phú Thọ	173	43.75	62.75	55	39.75		KHÔNG ĐẠT

ĐDAMB

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
48	Dương Thị Thu	Hiền	13/01/1994	Quảng Ninh	179	62.5	45.5	52.5		47.5	KHÔNG ĐẠT
49	Nguyễn Thị	Hiền	08/03/1993	TP. Hà Nội	184	41	55.25	50	35.75		KHÔNG ĐẠT
50	Lê Thị	Hiền	10/02/1994	TP. Hà Nội	188	38.5	45	50	30	45.5	KHÔNG ĐẠT
51	Vương Đức	Hiệp	14/12/1999	TP. Hà Nội	193	42.5	69.25	50	50		ĐẠT
52	Thân Thị	Hoa	11/10/1996	TP. Hà Nội	209	43.25	57	40	43		KHÔNG ĐẠT
53	Nguyễn Thị	Hoa	01/10/1977	TP. Hà Nội	210	41.75	47.5	50	45	47.75	KHÔNG ĐẠT
54	Trần Thị Thanh	Hòa	18/09/1993	TP. Hà Nội	216	45.5	67.25	57.5	38.75		KHÔNG ĐẠT
55	Trần Thị	Hòa	21/12/1983	TP. Hà Nội	217	39.25	51.33	50	44		KHÔNG ĐẠT
56	Nguyễn Văn	Hoàn	24/09/1996	TP. Hà Nội	225	36	71.25	50	31.75		KHÔNG ĐẠT
57	Nguyễn Văn	Hoàng	05/05/1998	TP. Hà Nội	229	39	63.25	51	41.75		KHÔNG ĐẠT
58	Trần Văn	Hùng	01/06/1996	TP. Hà Nội	241	39.25	44.25	57	40.5	45.5	KHÔNG ĐẠT
59	Nguyễn Văn	Hùng	05/02/1973	TP. Hà Nội	245	41.5	50.5	60.5	46		KHÔNG ĐẠT
60	Nguyễn Thị Lan	Hương	22/01/1994	Bắc Ninh	250	44.75	63	54.5	44.5		KHÔNG ĐẠT
61	Nguyễn Thị Thu	Hường	28/03/1990	TP. Hà Nội	263	36.25	54	50	36.25		KHÔNG ĐẠT
62	Nguyễn Quang	Huy	20/08/2000	TP. Hà Nội	270	40.5	52.75	50	32.5		KHÔNG ĐẠT
63	Trịnh Thị Thanh	Huyền	02/12/1998	Hải Phòng	274	41.5	72.75	50	40.25		KHÔNG ĐẠT
64	Nguyễn Thanh	Huyền	07/04/1999	Quảng Ninh	276	46.25	45.5	50	50	43.5	KHÔNG ĐẠT
65	Nguyễn Thị	Huyền	08/08/1997	TP. Hà Nội	280	29	67.5	56	31.25		KHÔNG ĐẠT

ĐDmb

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
66	Nguyễn Thị Thu	Huyền	17/08/1998	TP. Hà Nội	282	41	50.25	60	48		KHÔNG ĐẠT
67	Ngô Quốc	Khang	05/06/1980	TP. Hà Nội	291	24.25	59	50	22.5		KHÔNG ĐẠT
68	Nguyễn Quốc	Khánh	22/01/1998	TP. Hà Nội	293	31.5	54.5	62.5	39.25		KHÔNG ĐẠT
69	Nguyễn Quốc	Kiên	17/09/1997	TP. Hà Nội	299	50.25	47.75	50		48.25	KHÔNG ĐẠT
70	Phạm Thị	Là	02/02/1977	TP. Hà Nội	301	41.25	42.25	52.5	41.25	49	KHÔNG ĐẠT
71	Nguyễn Thanh	Lâm	07/04/1976	Nghệ An	302	54	43	52.5		43.25	KHÔNG ĐẠT
72	Nguyễn Thị Hương	Lan	21/06/1976	TP. Hà Nội	307	43	59	50	45.25		KHÔNG ĐẠT
73	Nguyễn Thị	Lan	23/08/1992	TP. Hà Nội	308	46	40.75	52.5	46.25	43	KHÔNG ĐẠT
74	Đặng Ý	Lan	09/11/1992	TP. Hà Nội	309	48	69.5	67.5	50.5		ĐẠT
75	Nguyễn Thị Bảo	Linh	07/05/1996	Quảng Ninh	316	39.25	54.25	50	50		ĐẠT
76	Lê Hải	Linh	16/09/1995	TP. Hà Nội	322	45.5	59.5	52.5	46.25		KHÔNG ĐẠT
77	Ngô Mạnh	Linh	23/01/1990	TP. Hà Nội	324	54	40	52.5		50.5	ĐẠT
78	Bùi Thị	Linh	16/08/1995	TP. Hà Nội	326	42.25	67	52.5	38.75		KHÔNG ĐẠT
79	Nguyễn Thùy	Linh	28/05/1986	TP. Hà Nội	327	55.75	42	67.5		50	ĐẠT
80	Phạm Hà	Linh	08/05/1996	TP. Hà Nội	338	42.5	53.75	73.5	50		ĐẠT
81	Đinh Thị Thùy	Linh	18/10/1994	TP. Hà Nội	342	43	60.5	52.5	38.75		KHÔNG ĐẠT
82	Nguyễn Thị Thùy	Linh	13/01/1999	TP. Hà Nội	343	37.5	76.75	66	36.25		KHÔNG ĐẠT
83	Vương Kiều	Linh	06/03/1998	TP. Hà Nội	345	27.25	55.25	64	32.5		KHÔNG ĐẠT

ĐẠT
HỘI
LU
ĐÀ

ĐDAMB

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTDD và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
84	Triệu Tú	Linh	09/10/1998	TP. Hà Nội	346	40	54.75	52.5	34		KHÔNG ĐẠT
85	Nguyễn Văn	Lô	07/03/1984	Thanh Hóa	348	41	55.5	50	36.25		KHÔNG ĐẠT
86	Phạm Thị	Loan	15/01/1997	TP. Hà Nội	351	53.75	41.25	65		46.5	KHÔNG ĐẠT
87	Đào Thị Ái	Loan	25/06/1971	TP. Hà Nội	354	34.25	25.25	60	34.25	30	KHÔNG ĐẠT
88	Lê Phúc	Lộc	25/09/1989	TP. Hà Nội	356	56.75	43.75	52.5		44	KHÔNG ĐẠT
89	Nguyễn Hoàng	Long	18/09/1983	TP. Hà Nội	363	44.5	51.25	52.5	50.5		ĐẠT
90	Nguyễn Vũ Hoàng	Long	14/03/1997	TP. Hà Nội	364	33.25	51.25	55	35.75		KHÔNG ĐẠT
91	Lý Hoàng	Long	27/10/1997	TP. Hà Nội	365	55.5	45.25	67.5		47.5	KHÔNG ĐẠT
92	Nguyễn Văn	Mạnh	31/12/1997	TP. Hà Nội	376	44	50.5	55	46.25		KHÔNG ĐẠT
93	Khổng Quang	Minh	28/09/1999	TP. Hà Nội	382	42.25	53.75	52.5	37		KHÔNG ĐẠT
94	Nguyễn Trà	My	14/11/1992	TP. Hà Nội	387	43.5	65	72.5	50		ĐẠT
95	Nguyễn Thái	Nam	05/06/1969	TP. Hà Nội	391	32	57.25	50	30		KHÔNG ĐẠT
96	Trần Thị Quỳnh	Nga	07/02/1992	Quảng Ninh	398	30.25	60.5	57.5	32.5		KHÔNG ĐẠT
97	Phan Thị Hằng	Nga	18/07/1991	TP. Hà Nội	402	32.75	41	50	32.25	46	KHÔNG ĐẠT
98	Hoàng Thị	Ngân	21/02/1994	TP. Hà Nội	404	40.5	72.5	51	36.5		KHÔNG ĐẠT
99	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	12/03/1998	Quảng Ninh	406	57.25	39	57.5		35.75	KHÔNG ĐẠT
100	Nguyễn Thiên	Ngân	11/11/1999	TP. Hà Nội	413	46	66	55	41.75		KHÔNG ĐẠT
101	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngân	14/09/1995	TP. Hà Nội	414	40.25	50	50	31.25		KHÔNG ĐẠT

QĐ Nmb

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
102	Nguyễn Trương Hải	Ngọc	30/06/1979	TP. Hà Nội	420	42.25	56.5	54.5	48.75		KHÔNG ĐẠT
103	Lê Hà An	Ngọc	28/10/1998	TP. Hà Nội	422	42.5	58.25	67.5	44.5		KHÔNG ĐẠT
104	Đặng Đức	Ngọc	30/10/1995	TP. Hà Nội	424	44.5	71	59	40		KHÔNG ĐẠT
105	Đào Thị Thu	Nguyên	05/05/1999	TP. Hà Nội	427	41	69.5	57.5	37		KHÔNG ĐẠT
106	Nguyễn Thị Hương	Nhàn	15/01/1997	TP. Hà Nội	434	28.5	40.66	60	30.5	42.75	KHÔNG ĐẠT
107	Trịnh Ngọc	Nhất	27/02/1998	TP. Hà Nội	436	34.25	51	50	38.25		KHÔNG ĐẠT
108	Giáp Trang	Nhung	29/12/1998	TP. Hà Nội	443	41.25	63.25	50	50		ĐẠT
109	Nguyễn Thị Mỹ	Ninh	22/08/1994	TP. Hà Nội	449	28.75	55.75	50	35.5		KHÔNG ĐẠT
110	Nguyễn Trọng	Ninh	16/06/1981	TP. Hà Nội	450	43.75	54.75	50	49		KHÔNG ĐẠT
111	Trần Văn	Phú	20/11/1991	TP. Hà Nội	460	55.5	47	52.5		45.75	KHÔNG ĐẠT
112	Hoàng Hữu	Phúc	01/07/1995	TP. Hà Nội	461	53.75	37	60		43	KHÔNG ĐẠT
113	Nguyễn Văn	Phương	20/08/1976	Nam Định	463	44.25	50	50	45.5		KHÔNG ĐẠT
114	Tô Cao	Phương	10/05/1999	TP. Hà Nội	469	52	39.25	50		46.5	KHÔNG ĐẠT
115	Nguyễn Thị Hà	Phương	24/03/1996	TP. Hà Nội	473	42.17	67.5	67.5	35.25		KHÔNG ĐẠT
116	Lê Xuân	Phương	04/07/1997	TP. Hà Nội	475	46.75	46.25	50	40	48.5	KHÔNG ĐẠT
117	Chu Văn	Quân	28/06/1995	TP. Hà Nội	483	36.25	60	52.5	45.25		KHÔNG ĐẠT
118	Nguyễn Mai	Quang	17/10/1991	TP. Hà Nội	486	51	41.75	50		50	ĐẠT
119	Vũ Đình	Quý	23/01/1983	TP. Hà Nội	490	41	42.75	57.5	42.75	38.75	KHÔNG ĐẠT

ĐỒ
AT
NG



Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
120	Trần Thế	Quyền	04/02/1994	TP. Hà Nội	492	47.5	66.25	60	45		KHÔNG ĐẠT
121	Kim Thị Ngọc	Quỳnh	01/09/1982	TP. Hà Nội	495	42.5	43.5	50	43.25	45.5	KHÔNG ĐẠT
122	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	18/08/1997	TP. Hà Nội	496	42.25	53	65	50		ĐẠT
123	Nguyễn Xuân	Quỳnh	30/08/1997	TP. Hà Nội	498	41	63.75	50	41		KHÔNG ĐẠT
124	Nguyễn Thị Hồng	Siêm	12/02/1986	Hải Phòng	504	43	44	62.5	42.5	48.5	KHÔNG ĐẠT
125	Hoàng Hồng	Sinh	06/11/1997	TP. Hà Nội	505	32.5	64.5	60	33.25		KHÔNG ĐẠT
126	Võ Duy Kiên	Son	11/05/1993	TP. Hà Nội	508	39.25	38.75	50	50	40	KHÔNG ĐẠT
127	Trần Lâm	Sung	15/03/1994	TP. Hà Nội	512	41	56.25	52.5	45.5		KHÔNG ĐẠT
128	Đặng Thị Thu	Sương	28/12/1997	Nghệ An	513	39.25	59.25	62.5	33		KHÔNG ĐẠT
129	Dương Lê	Tài	16/10/1987	TP. Hà Nội	514	42.25	35.5	52.5	39.5	42.25	KHÔNG ĐẠT
130	Cao Hồng	Tâm	22/07/1999	TP. Hà Nội	516	43	53.5	67.5	43.25		KHÔNG ĐẠT
131	Nguyễn Thị	Thắm	29/09/1997	TP. Hà Nội	519	38.5	58	67.5	36.75		KHÔNG ĐẠT
132	Nguyễn Mạnh	Thắng	19/09/1983	TP. Hà Nội	522	50	42.5	57.5		50	ĐẠT
133	Nguyễn Nam	Thắng	13/06/1979	TP. Hà Nội	523	46	66	50	50.25		ĐẠT
134	Thái Bá	Thắng	03/05/1996	TP. Hà Nội	528	50	41.5	52.5		46	KHÔNG ĐẠT
135	Nguyễn Đức	Thắng	18/02/1986	TP. Hà Nội	529	44.25	56	57.5	35		KHÔNG ĐẠT
136	Nguyễn Gia	Thành	01/08/1994	TP. Hà Nội	534	51.25	34	52.5		39	KHÔNG ĐẠT
137	Phạm Tiến	Thành	18/01/1978	Quảng Nam	535	50.75	42.75	50		50	ĐẠT

ĐD Nmb

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
138	Nguyễn Phương	Thảo	12/09/1998	TP. Hà Nội	539	48.75	67.25	65	50.25		ĐẠT
139	Đinh Nguyễn Phương	Thảo	14/03/1988	TP. Hà Nội	543	39.25	61.5	52.5	40		KHÔNG ĐẠT
140	Nguyễn Văn	Thiệu	13/08/1983	TP. Hà Nội	546	35.25	55.5	50	34		KHÔNG ĐẠT
141	Ngô Sỹ	Thịnh	20/03/1988	TP. Hà Nội	547	34.25	55.25	52.5	39.25		KHÔNG ĐẠT
142	Dương Thị	Thoa	28/07/1995	TP. Hà Nội	550	45.75	59	60	44.25		KHÔNG ĐẠT
143	Vũ Thị Minh	Thu	30/09/1974	TP. Hà Nội	556	46	67.25	53	50		ĐẠT
144	Đỗ Văn	Thuận	09/10/1987	TP. Hà Nội	561	41.25	56.5	50	39.75		KHÔNG ĐẠT
145	Đỗ Hữu	Thục	23/02/1992	Hải Phòng	562	35.75	58	59.5	31.75		KHÔNG ĐẠT
146	Quách Công	Thương	30/10/1994	TP. Hà Nội	563	43.75	44	61.5	38.75	50	KHÔNG ĐẠT
147	Tạ Thị Thanh	Thùy	21/03/1982	TP. Hà Nội	572	36.25	50.75	54	40		KHÔNG ĐẠT
148	Đỗ Đăng	Thùy	30/09/1990	TP. Hà Nội	573	37.5	53.25	63.5	34		KHÔNG ĐẠT
149	Nguyễn Thanh	Thủy	24/02/1978	TP. Hà Nội	576	41.5	50.25	52.5	39.25		KHÔNG ĐẠT
150	Quảng Thị	Thủy	12/05/1992	TP. Hà Nội	579	34	43.5	52.5	37	48	KHÔNG ĐẠT
151	Nguyễn Việt	Tiến	06/09/1994	TP. Hà Nội	580	42	61.25	62.5	35.5		KHÔNG ĐẠT
152	Nguyễn Thành	Tiến	13/09/1989	TP. Hà Nội	581	35	51	67.5	29.25		KHÔNG ĐẠT
153	Nguyễn Văn	Tình	08/09/1995	TP. Hà Nội	585	35.25	67	62.5	41		KHÔNG ĐẠT
154	Nguyễn Ngọc	Toàn	29/06/1975	TP. Hà Nội	587	45.75	56	60	40		KHÔNG ĐẠT
155	Nguyễn Thị Hương	Trà	01/01/1979	TP. Hà Nội	590	43	58.75	57.5	41.5		KHÔNG ĐẠT

SU
NG
U
JÔI

Đỗ Minh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
156	Lê Thị	Trang	28/04/1996	TP. Hà Nội	598	44.25	64.25	57.5	42.75		KHÔNG ĐẠT
157	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	19/05/1996	TP. Hà Nội	600	39.75	56.25	60	40		KHÔNG ĐẠT
158	Hoàng Thị Hà	Trang	14/08/1997	TP. Hà Nội	602	39.5	51.5	55	34.75		KHÔNG ĐẠT
159	Vũ Thị Hà	Trang	17/09/1994	TP. Hà Nội	604	38.75	68.25	60	36		KHÔNG ĐẠT
160	Lại Thị Hồng	Trang	07/10/1992	TP. Hà Nội	608	36.25	45.5	60	41.25	48	KHÔNG ĐẠT
161	Nguyễn Thị Thu	Trang	19/04/1980	TP. Hà Nội	611	42.5	69.25	52.5	41.25		KHÔNG ĐẠT
162	Lưu Tiến	Trung	20/10/1984	Vĩnh Phúc	619	45.5	73.25	57.5	44.25		KHÔNG ĐẠT
163	Hoàng Quang	Trung	23/09/1982	TP. Hà Nội	621	37.5	54.75	50	36.25		KHÔNG ĐẠT
164	Nguyễn Đức	Tuấn	25/05/1990	Vĩnh Phúc	629	40.5	40.5	51	43	45.25	KHÔNG ĐẠT
165	Hà Quốc	Tuấn	15/06/1963	TP. Hà Nội	631	52.25	45.75	50		45.25	KHÔNG ĐẠT
166	Trần Thanh	Tùng	18/06/1990	TP. Hà Nội	637	42	39.5	50	35	43.75	KHÔNG ĐẠT
167	Nguyễn Thanh	Tùng	21/08/1998	TP. Hà Nội	638	33.5	66	55.5	30		KHÔNG ĐẠT
168	Nguyễn Văn	Tuyến	10/02/1972	TP. Hà Nội	640	22.5	52.75	50	29.5		KHÔNG ĐẠT
169	Đặng Thu	Uyên	20/11/1998	TP. Hà Nội	645	42.75	50	50	44		KHÔNG ĐẠT
170	Bùi Thị	Vân	14/07/1992	TP. Hà Nội	648	40.5	59.5	57.5	50		ĐẠT
171	Hoàng Bá	Viết	24/12/1951	Thanh Hóa	652	15	50.75	55.5	20		KHÔNG ĐẠT
172	Trịnh Minh	Việt	17/05/1993	TP. Hà Nội	655	27.5	58.25	52.5	23.25		KHÔNG ĐẠT
173	Dương Thế	Vũ	01/05/1995	TP. Hà Nội	662	62.5	43.75	59		49.25	KHÔNG ĐẠT

Đ. N. M. B.

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN	KẾT QUẢ
174	Hoàng Ngọc	Xuân	01/03/1999	TP. Hà Nội	665	42.5	67.25	60	40.75		KHÔNG ĐẠT
175	Nguyễn Thị Hải	Yến	25/09/1994	Vĩnh Phúc	667	36.25	62.25	56.5	38.25		KHÔNG ĐẠT
176	Ngô Thị	Yến	06/11/1973	Hải Dương	668	38.75	32	53.5	47.5	32.75	KHÔNG ĐẠT

Đ. N. M. B.

VIỆT
NAM